

Số: *66* /NQ-HĐND

Sơn Dương, ngày 25 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2021
trên địa bàn huyện Sơn Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 24/11/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 567/TTr-UBND ngày 17 Tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn huyện Sơn Dương, với các nội dung như sau

1. Tổng nguồn vốn chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021: **82.641,9** triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: **60.000** triệu đồng (*Dự toán thu tiền sử dụng đất năm 2021: 100.000 triệu đồng; Chi trích lập phát triển quỹ đất và lập hồ sơ địa chính (40%): 40.000 triệu đồng; Chi đầu tư các công trình xây dựng năm 2021: 60.000 triệu đồng*).

- Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu: **21.000** triệu đồng.

- Nguồn vốn khác: **1.641,9** triệu đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; cụ thể:

- Ưu tiên bố trí đủ 100% vốn cho các công trình, dự án được phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn.

- Công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán đến ngày 31/12/2020 chưa bố trí đủ vốn, bố trí 90% trở lên so với dự toán được duyệt.

- Công trình, dự án dự kiến hoàn thành năm 2021 bố trí vốn từ 85% đến 90% dự toán được duyệt.

- Công trình, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021, công trình khởi công mới năm 2021, công trình chuẩn bị đầu tư bố trí vốn theo quy định.

2. Phân bổ vốn đầu tư công năm 2021: 82.641,9 triệu đồng, trong đó:

- Công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán: **8.400** triệu đồng.

- Công trình chuyển tiếp: **17.991,9** triệu đồng (gồm: 31 công trình).

- Công trình khởi công mới trong năm 2021: **56.250** triệu đồng (gồm: 51 công trình).

- Công trình chuẩn bị đầu tư: Chưa thực hiện bố trí vốn (gồm: 38 công trình).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp cuối năm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Sơn Dương khóa XX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận: *✍*

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Các sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng;
- Công báo tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Hiến

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 HUYỆN SON DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HDND ngày 25/12/2020 của HDND huyện Sơn Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	Tổng cộng (I+II+III):		727.409,0		82.641,9	60.000,0	21.000,0	1.641,9	
I	Công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán:		8.400,0		8.400,0	8.400,0			
II	Công trình chuyển tiếp:		194.877,0	102.184,6	17.991,9	17.350,0	-	641,9	
1	Công trình hạ tầng		105.953,0	46.647,0	11.525,6	11.525,6	-	-	0
1.1	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới TDP Cơ Quan, Tân Bắc, thị trấn Sơn Dương (Giai đoạn 1), gồm:	2019-2021	24.500,0	10.000,0	3.000,0	3.000,0			
-	Quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng:		10.000,0						
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật		14.500,0						
1.2	HTKT Khu dân cư thôn Văn Bảo, xã Sơn Nam	2019-2021	4.862,0	4.862,0					
1.3	HTKT Khu dân cư thôn Lũng Khu, xã Sơn Nam (Giai đoạn 1)	2019-2021	7.726,0	290,0	3.000,0	3.000,0			
1.4	HTKT Khu dân cư thôn Ninh Bình, Ninh Thuận, xã Ninh Lai	2019-2021	11.293,0	11.293,0					
1.5	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giai đoạn 2).		13.645,0	13.645,0					
1.6	Quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng thiết yếu Trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp, tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn Sơn Dương	2019-2021	2.000,0	380,0	575,6	575,6			
1.7	HTKT Khu dân cư thôn Quyết Thắng, xã Sơn Nam (Giai đoạn 1)	2020-2021	3.477,0	3.477,0					
1.8	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết KDC và chợ xã Phú Lương	2020-2021	150,0		150,0	150,0			
1.9	Chỉnh trang trung tâm xã Thiện Kế	2020-2021	2.700,0	2.700,0					

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
1.10	Chỉnh trang trung tâm xã Đại Phú	2020-2021	3.300,0		1.200,0	1.200,0			
1.11	Chỉnh trang trung tâm xã Phú Lương	2020-2021	3.300,0		1.200,0	1.200,0			
1.12	Chỉnh trang trung tâm xã Tam Đa	2020-2021	2.400,0		1.200,0	1.200,0			
1.13	Chỉnh trang trung tâm xã Trường Sinh	2020-2021	2.100,0		1.200,0	1.200,0			
2	Công trình về giáo dục - y tế		73.867,1	45.597,0	4.800,0	4.800,0	-	-	
2.1	Xây dựng nhà luyện tập thể chất đa năng trường THPT Sơn Dương (<i>Ưu tiên sử dụng nguồn tài trợ</i>)	2020-2021	5.500,0	3.000,0	1.000,0	1.000,0			
2.2	Xây dựng phòng học, phòng chức năng trường THCS Thiện Kế	2020-2021	2.315,0	2.315,0					
2.3	Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng chức năng và công trình phụ trợ trường Tiểu học Đăng Châu, thị trấn Sơn Dương	2020-2021	4.000,0		500,0	500,0			
2.4	XD trường Tiểu học Hợp Thành	2020-2021	5.193,7	5.040,0					
2.5	XD trường Tiểu học Thiện Kế	2020-2021	2.500,0	2.000,0					
2.6	XD trường Mầm non Thiện Kế	2020-2021	2.174,0	1.896,0					
2.7	XD trường Tiểu học Phú Lương (Giai đoạn 2)	2020-2021	5.253,03	4.800,0					
2.8	XD trường Mầm non Phú Lương	2020-2021	13.000,0	9.143,0					
2.9	XD trạm y tế xã Hợp Thành	2020-2021	3.378,4	3.000,0					
2.10	XD trạm y tế xã Thiện Kế	2020-2021	4.000,0	3.000,0					
2.11	Sửa chữa, cải tạo 02 nhà lớp học cũ thành nhà làm việc trạm y tế thị trấn Sơn Dương thuộc Trung tâm Y tế	2021	1.250,0		400,0	400,0			
2.12	XD nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Sơn Dương	2020-2022	7.803,0	7.803,0					
2.13	Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng chức năng, hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Đông Thọ	2020-2021	4.500,0	3.600,0	900,0	900,0			
2.14	Xây dựng trường MN Hào Phú	2021-2022	13.000,0		2.000,0	2.000,0			

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
3	Công trình quản lý nhà nước và công trình khác		15.056,9	9.940,6	1.666,3	1.024,4	-	641,9	
3.1	Cải tạo, tu sửa nhà khách UBND huyện (Khu nhà 2, 3 tầng)	2020-2021	3.450,0	2.000,0					
3.2	Xây dựng Trụ sở làm việc Đồn Công an Sơn Nam, huyện Sơn Dương	2020-2021	5.965,0	4.940,6	1.024,4	1.024,4			
3.3	Trụ sở HĐND, UBND xã Kháng Nhật (<i>Xin tình bổ sung vốn</i>)	2020-2021	5.000,0	3.000,0					
3.4	Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường huyện và các tuyến đường Đô thị trên địa bàn huyện năm 2020-2021 (<i>Nguồn duy tu bảo dưỡng năm 2021</i>)	2021	641,9		641,9			641,9	
III	Các công trình khởi công mới		524.132,0	885,0	56.250,0	34.250,0	21.000,0	1.000,0	
1	Công trình về hạ tầng:		137.999,0	885,0	10.100,0	9.100,0	-	1.000,0	-
1.1	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư trung tâm xã Trung Yên	2019-2021	3.200,0		100,0	100,0			
1.2	Quy hoạch và Xây dựng khu dân cư thôn Đá Tron và Đường vào trường Tiểu học Đông Thọ, xã Đông Thọ	2019-2021	8.250,0		1.000,0	1.000,0			
1.3	Khu dân cư thôn Phú Thọ 1, xã Trường Sinh	2021-2022	3.029,0	95,0	1.000,0	1.000,0			
1.4	Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh và mở rộng Khu dân cư xã Đại Phú	2021-2022	3.800,0		1.000,0	1.000,0			
1.5	Quy hoạch và xây dựng khu trung tâm xã Sơn Nam lên đô thị loại V	2021-2022	6.000,0		900,0	900,0			
1.6	Điều chỉnh Quy hoạch khu dân cư tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn Sơn Dương	2021	220,0		200,0	200,0			
1.7	HTKT Khu dân cư tổ dân phố Tân An thị trấn Sơn Dương	2021-2022	10.000,0	240,0	3.000,0	3.000,0			
1.8	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đoạn từ xã Sơn Nam sang xã Thiện Kế	2021-2022	6.000,0		200,0	200,0			
1.9	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Tân Trào	2021-2022	5.000,0		100,0	100,0			
1.10	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới TDP Cơ Quan, Tân Bắc, thị trấn Sơn Dương (Giai đoạn 2), gồm:	2021-2022	29.500,0		1.500,0	1.500,0			
-	Quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng:		15.000,0						
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật:		14.500,0						

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
1.11	HTKT khu dân cư tái định cư để GPMB Dự án khu du lịch sinh thái và dịch vụ thể thao, huyện Sơn Dương	2021-2022	20.000,0	300,0					
1.12	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thôn Cầu Bi, xã Tú Thịnh để GPMB Dự án khu du lịch sinh thái và dịch vụ thể thao, huyện Sơn Dương	2021-2022	9.000,0	250,0					
1.13	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Hạ tầng kỹ thuật khu cát táng dịch vụ Nghĩa trang nhân dân huyện Sơn Dương (Nguồn thu tiền sử dụng các lô mộ cát táng, dịch vụ)	2021	4.000,0		1.000,0			1.000,0	
1.14	XD bãi rác xã Phúc ứng	2021	500,0		100,0	100,0			
2	Công trình về giáo dục - y tế:		146.400,0	-	24.500,0	15.500,0	9.000,0	-	
2.1	Trường MN xã Ninh Lai (2 tầng 12 phòng, phụ trợ) (Ưu tiên sử dụng nguồn vốn tài trợ)	2021-2022	8.100,0		1.500,0	1.500,0			
2.2	XD nhà lớp học trường TH&THCS Tú Thịnh (3 tầng 8 phòng + nhà hiệu bộ)	2021-2022	6.500,0		3.000,0		3.000,0		
2.3	Xây dựng trường MN Hoa Hồng (3 tầng + hạng mục phụ trợ)	2021-2022	13.900,0		500,0	500,0			
2.4	Trường MN Tú Thịnh (3 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ, 1 nhà bếp)	2021-2022	13.900,0		5.000,0		5.000,0		
2.5	Trường TH Thượng Âm (3 tầng 12 phòng học, nhà hiệu bộ)	2021-2022	8.000,0		1.500,0	1.500,0			
2.6	Trường THCS Phú Lương (3 tầng 8 phòng học, 1 nhà hiệu bộ)	2021-2022	6.500,0		1.000,0	1.000,0			
2.7	XD nhà lớp học trường TH Chi Thiết (3 tầng 10 phòng + nhà hiệu bộ)	2021-2022	7.000,0		1.000,0	1.000,0			
2.8	Trường THCS Tam Đa (3 tầng, 10 phòng học, phòng chức năng, nhà hiệu bộ)	2021-2022	8.500,0		1.000,0	1.000,0			
2.9	Trường MN Đông Thọ 2 (2 tầng+ 1 nhà bếp)	2021-2022	7.000,0		1.000,0	1.000,0			
2.10	Trường THCS Vân Sơn (3 tầng, 10 phòng học, nhà hiệu bộ)	2021-2022	7.500,0		1.000,0	1.000,0			
2.11	Trường THCS Đại Phú (3 tầng, 14 phòng học, nhà hiệu bộ)	2021-2022	10.000,0		2.000,0	2.000,0			
2.12	Xây trường MN Văn Phú (3 tầng 10 phòng + nhà hiệu bộ)	2021-2022	8.500,0		1.000,0	1.000,0			

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
2.13	Xây trường TH Quyết Thắng (3 tầng 10 phòng + nhà hiệu bộ)	2021-2022	6.500,0		1.000,0	1.000,0			
2.14	Trường TH Hào Phú (3 tầng 10 phòng học, nhà hiệu bộ)	2021-2022	6.500,0		1.000,0	1.000,0			
2.15	Xây dựng và sửa chữa trường TH&THCS Lê Văn Hiến	2021-2022	4.000,0		1.000,0		1.000,0		
2.16	Quy hoạch và xây dựng nhà lớp học trường THCS Kỳ Lâm và THCS Hồng Thái (Ghép 2 trường thành 1 trường) tại địa điểm mới thuộc Trung tâm y tế cũ huyện Sơn Dương	2021	24.000,0		2.000,0	2.000,0			
3	Công trình về giao thông		161.750,0	-	12.650,0	7.650,0	5.000,0	-	
3.1	Xây dựng đường từ Tam Đa đi Quang Sơn (huyện Lập Thạch) (2,5Km)	2021-2022	12.000,0		5.000,0		5.000,0		
3.2	Xây dựng đường (ĐH19) từ xã Hào Phú đi xã Đông Lợi	2021-2022	8.000,0		1.000,0	1.000,0			
3.3	Đường từ QL37 vào thôn Tú Tạc, xã Tú Thịnh	2021-2022	8.100,0		1.000,0	1.000,0			
3.4	QL 37 đi ĐT 186 xã Tú Thịnh (Tổng 1,8km, đã đầu tư 1km theo NTM 2019, còn 800 m chưa được đầu tư)	2021-2022	1.400,0		400,0	400,0			
3.5	Đường Giao thông thôn Phúc Lợi - Liên Phương - Phương Cẩm - Đồng Luộc, xã Phúc Ứng	2021-2022	4.500,0		500,0	500,0			
3.6	Sửa chữa cầu treo Bình Yên xã Bình Yên	2021	250,0		250,0	250,0			
3.7	Sửa chữa cầu treo Đồng Cháy xã Sơn Nam	2021-2022	2.000,0		500,0	500,0			
3.8	Mở rộng tuyến đường Công trường TH Ninh Lai	2021	500,0		500,0	500,0			
3.9	Chỉnh trang đô thị Thị trấn Sơn Dương đoạn từ Bưu điện huyện Sơn Dương đến ngã ba Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương	2021	5.000,0		500,0	500,0			
3.10	Rải nhựa Atphan đoạn từ cổng Huyện ủy vào KDC TDP Cơ Quan và đoạn đường 13B hiện có	2021	10.000,0		1.000,0	1.000,0			
3.11	Quy hoạch, bồi thường GPMB và xây dựng tuyến đường 13B kéo dài (hoàn chỉnh)	2021-2023	110.000,0		2.000,0	2.000,0			
4	Công trình quản lý nhà nước và công trình khác		77.983,0	-	9.000,0	2.000,0	7.000,0	-	
4.1	Xây dựng Trung tâm hội nghị huyện Sơn Dương	2021-2022	34.950,0		7.000,0		7.000,0		
4.2	XD Hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Tiến Thắng, xã Cấp Tiến	2021	450,0		400,0	400,0			

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
4.3	Sửa chữa UBND xã Tân Trào	2021	500,0		500,0	500,0			
4.4	Sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy 2 tầng và các công trình phụ trợ	2021-2022	2.000,0		300,0	300,0			
4.5	Sửa chữa Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2021	1.000,0		400,0	400,0			
4.6	Quy hoạch và BT GPMB trụ sở xã Phúc Ứng	2021-2022	2.200,0		400,0	400,0			
4.7	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Phúc Ứng (Nguồn vốn hỗ trợ của Trung Ương và các nguồn vốn hợp pháp khác)	2021-2022	10.128,0						
4.8	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Chi Thiết (Nguồn vốn hỗ trợ của Trung Ương và các nguồn vốn hợp pháp khác)	2021-2022	7.517,0						
4.9	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hào Phú (Nguồn vốn hỗ trợ của Trung Ương và các nguồn vốn hợp pháp khác)	2021-2022	12.704,0						
4.10	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Thanh (Nguồn vốn hỗ trợ của Trung Ương và các nguồn vốn hợp pháp khác)	2021-2022	6.534,0						
IV	Công trình chuẩn bị đầu tư		437.720,0						
1	Công trình về hạ tầng:		12.900,0						
1.1	Rãnh thoát nước KDC cây đa 2 xã ninh lai	2021-2022	700,0						
1.2	Rãnh thoát nước KDC xã Trung Yên	2021-2022	2.000,0						
1.3	Quy hoạch và xây dựng khu dân cư thôn Phan Lương, xã Trường Sinh	2021-2022	2.700,0						
1.4	Chỉnh trang trung tâm xã Vĩnh Lợi	2021-2022	2.500,0						
1.5	Chỉnh trang trung tâm xã Trung Yên	2021-2022	2.500,0						
1.6	Chỉnh trang trung tâm xã Cấp Tiên	2021-2022	2.500,0						
2	Công trình về giáo dục - y tế		83.000,0						
2.1	XD nhà lớp học trường TH&THCS Phúc Ứng (2 tầng 10 phòng + nhà hiệu bộ)	2021-2022	7.500,0						
2.2	Trường THCS Chi Thiết (2 tầng, 8 phòng học, nhà hiệu bộ)	2021-2022	6.000,0						
2.3	Trường THCS Văn Phú (2 tầng 8 phòng học, 1 nhà hiệu bộ)	2021-2022	6.000,0						
2.4	Xây dựng trường MN Phúc Ứng (2 Tầng 10 phòng + bếp ăn)	2021-2022	6.500,0						

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
2.5	XD nhà nhà lớp học, nhà hiệu bộ trường TH Tam Đa (2 tầng 10 phòng + nhà hiệu bộ)	2021-2022	6.500,0						
2.6	XD nhà lớp học trường THCS Tam Đa (2 tầng 10 phòng)	2021-2022	4.800,0						
2.7	Trường MN Cấp Tiến (2 tầng 8 phòng học, 1 nhà hiệu bộ, 1 nhà bếp)	2021-2022	6.500,0						
2.8	Trường MN Kháng Nhật (2 tầng 8 phòng học, 1 nhà hiệu bộ, 1 nhà bếp)	2021-2022	6.500,0						
2.9	Trường TH Văn Phú (2 tầng 10 phòng học)	2021-2022	5.500,0						
2.10	Trường THCS Đông Lợi (2 tầng 12 phòng học, 1 nhà hiệu bộ)	2021-2022	7.500,0						
2.11	Trường THCS Đông Thọ 2 (1 nhà hiệu bộ)	2021-2022	1.500,0						
2.12	Trường THCS Hào Phú (1 nhà hiệu bộ)	2021-2022	1.500,0						
2.13	Xây phòng học trường THCS Trung Yên	2021-2022	1.200,0						
2.14	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Tân Thanh	2021-2022	6.500,0						
2.15	Nhà hiệu bộ, phòng chức năng trường TH Vĩnh Lợi	2021-2022	5.000,0						
2.16	Sửa chữa bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên (Sửa chữa phòng khám, cận lâm sàng, dược, trực cấp cứu)	2021-2022	1.500,0						
2.17	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Sơn Dương	2021-2022	2.000,0						
2.18	Sửa chữa phòng khám đa khoa khu vực Tân Trào	2021-2022	500,0						
3	Công trình về giao thông		130.250,0						
3.1	Đường ĐH.21 đi ĐH.04 qua thôn Đông Ninh xã Đông Thọ (3Km + 1 cầu bản)	2021-2022	13.000,0						
3.2	Đường ĐH.02 Đổng Danh xã Bình Yên - UBND xã Lương Thiện	2021-2022	29.250,0						
3.3	Xây dựng đường ĐH.06 Chi Thiết - Phú Lương	2021-2022	32.000,0						
3.4	Đường ĐH.04 đoạn từ Phan Lương xã Trường Sinh đi xã Tam Đa (3,5Km)	2021-2022	15.000,0						
3.5	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.05 xã Cấp Tiến (11Km)	2021-2022	33.000,0						
3.6	Đường ĐH.20 Hợp Hòa - Tân Thanh	2021-2022	8.000,0						

TT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
					Tổng số	Vốn từ nguồn thu sử dụng đất	Vốn bổ sung có mục tiêu	Vốn khác	
4	Công trình khác		211.570,0						
4.1	Sửa chữa nâng cấp nhà làm việc và các công trình phụ trợ của HDND và UBND huyện Sơn Dương	2021-2022	2.500,0						
4.2	XD hệ thống xử lý nước thải thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	2021-2022	150.000,0						
4.3	Nhà máy xử lý rác thải huyện Sơn Dương (Giai đoạn 1)	2021-2022	14.070,0	380,0					
4.4	Quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng trung tâm cụm xã Hồng Lạc phát triển lên đô thị loại V (thị trấn) (gồm các xã Hồng Lạc, Trường Sinh, Hào Phú, Chi Thiết)	2021-2022	10.000,0						
4.5	Quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng trung tâm cụm xã Tân Trào lên đô thị loại V (thị trấn) gắn với phát triển du lịch (gồm các xã Tân Trào, Trung Yên, Bình Yên, Lương Thiện, Minh Thành)	2021-2022	10.000,0						
4.6	Quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng trung tâm cụm xã Đông Thọ (gồm xã Đông Thọ, Văn Phú, Quyết Thắng, Văn Sơn)	2021-2022	10.000,0						
4.7	Quy hoạch và đầu tư cơ sở hạ tầng trung tâm cụm xã Thượng Âm (gồm các xã Thượng Âm, Vĩnh Lợi, Cấp Tiến)	2021-2022	10.000,0						
4.8	Xây dựng Nhà đón khách và khu giới thiệu sản phẩm du lịch huyện Sơn Dương tại Ngã ba Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương	2021-2022	5.000,0						